BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2018

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Huyện	Tỉnh	Đối tượng	Khu vực	SBD	Giải phẫu Sinh lý	Quản lý Điều dưỡng	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phạm Thị Tuyết	Chinh	Nữ	17/07/1980	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	02	9.0	9.5	18.5	
2	Phan Chí	Công	Nam	12/08/1983	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc		3	03	9.75	9.5	19.25	
3	Dương Văn	Của	Nam	19/10/1991	Huyện Hải Hậu	Nam Định		3	04	9.25	8.0	17.25	
4	Vũ Kiên	Cường	Nam	02/08/1977	Huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình		3	05	9.75	9.5	19.25	
5	Đặng Đức	Cường	Nam	05/04/1964	Thành phố Hà Giang	Hà Giang		01	06	7.25	6.75	14.0	
6	Cao Thị	Dung	Nữ	11/07/1980	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	07	9.75	9.0	18.75	
7	Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	16/09/1975	Quận Long Biên	Hà Nội		3	08	9.0	9.5	18.5	
8	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	17/09/1981	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	09	8.5	8.0	16.5	
9	Hà Thị	Dung	Nữ	29/06/1984	Thành phố Hoà Bình	Hoà Bình	05	01	10	8.75	8.75	17.5	
10	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/08/1984	Huyện Đan Phượng	Hà Nội		3	11	8.75	9.5	18.25	
11	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	16/11/1993	Huyện Yên Khánh	Ninh Bình		3	12	8.75	9.5	18.25	
12	Nguyễn Thị	Đương	Nữ	26/04/1985	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc		3	13	10	9.75	19.75	
13	Phan Khắc	Giang	Nam	13/03/1972	Thành phố Hải Dương	Hải Dương		3	14	9.5	9.25	18.75	
14	Lê Thu	Hà	Nữ	23/03/1994	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ		3	15	9.5	9.25	18.75	
15	Vũ Thanh	Hà	Nữ	09/06/1982	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	16	9.5	8.0	17.5	
16	Phạm Thị	Hà	Nữ	10/12/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	17	9.25	9.5	18.75	
17	Đoàn Thị	Hảo	Nữ	10/08/1984	Huyện Thanh Trì	Hà Nội		3	19	9.0	9.75	18.75	
18	Trần Thị	Hân	Nữ	26/12/1986	Quận Tây Hồ	Hà Nội		3	20	9.5	9.5	19.0	
19	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	01/09/1973	Quận Ba Đình	Hà Nội		3	21	7.25	9.25	16.5	
20	Vi Thị Thu	Hiền	Nữ	05/09/1987	Thành phố Việt Trì	Phú Thọ		3	22	9.5	9.5	19.0	
21	Đỗ Thị Hồng	Hoa	Nữ	24/10/1983	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	23	9.0	9.25	18.25	
22	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/07/1985	Quận Long Biên	Hà Nội		3	24	10	9.75	19.75	
23	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	15/06/1976	Quận Ba Đình	Hà Nội		3	25	9.0	9.75	18.75	
24	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03/01/1979	Huyện Bắc Quang	Hà Giang		01	26	9.0	9.5	18.5	
25	Bàn Văn	Hoàng	Nam	28/10/1981	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	05	01	27	8.25	9.25	17.5	
26	Nguyễn Thị	Họa	Nữ	07/03/1980	Quận Đống Đa	Hà Nội		3	29	8.25	9.25	17.5	
27	Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	08/02/1973	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	30	8.75	9.5	18.25	
28	Nguyễn Khoa Diệu	Hồng	Nữ	14/12/1977	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	31	7.5	9.25	16.75	
29	Trần Thị	Hồng	Nữ	08/11/1987	Huyện Mỹ Lộc	Nam Định		3	32	9.25	9.5	18.75	
30	Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	16/06/1972	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	33	8.75	8.5	17.25	
31	Bùi Thị	Huệ	Nữ	22/11/1982	Huyện Đông Anh	Hà Nội		3	34	9.25	8.5	17.75	
32	Đặng Thị Minh	Huệ	Nữ	02/11/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	35	9.75	9.25	19.0	

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Huyện	Tỉnh	Đối tượng	Khu vực	SBD	Giải phẫu Sinh lý	Quản lý Điều dưỡng	Tổng điểm	Ghi chú
69	Nguyễn Chính	Quyền	Nam	24/12/1985	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ		3	73	8.25	6.75	15.0	
70	Trần Thị	Quý	Nữ	17/04/1983	Huyện Đông Anh	Hà Nội		3	74	9.75	9.5	19.25	
71	Trần	Quỳnh	Nam	18/10/1984	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		3	75	9.5	9.5	19.0	
72	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/11/1984	Quận Long Biên	Hà Nội		3	76	9.0	9.75	18.75	
73	Lưu Hồng	Tâm	Nam	23/12/1984	Thành phố Việt Trì	Phú Thọ		3	77	8.75	9.5	18.25	
74	Trần Thị	Tâm	Nữ	02/08/1984	Quận Thanh Xuân	Hà Nội		3	78	9.5	9.5	19.0	
75	Lê Trang	Thoan	Nữ	03/05/1993	Huyện Gia Lâm	Hà Nội		3	79	9.0	9.5	18.5	
76	Trần Thị	Thơ	Nữ	13/07/1982	Huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An		01	80	8.25	9.5	17.75	
77	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/12/1990	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	81	9.75	9.5	19.25	
78	Đỗ Thị Quỳnh	Thu	Nữ	18/07/1987	Huyện Mường La	Sơn La		01	82	9.0	9.5	18.5	
79	Đặng Phương	Thúy	Nữ	07/12/1985	Quận Hoàng Mai	Hà Nội		3	83	9.25	9.5	18.75	
80	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/10/1983	Huyện Đông Hưng	Thái Bình		3	84	9.0	9.5	18.5	
81	Quản Thanh	Thủy	Nữ	02/08/1984	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	85	9.5	9.5	19.0	
82	Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	15/10/1984	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	86	9.25	9.0	18.25	
83	Hà Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/03/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	87	10	9.5	19.5	
84	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	12/09/1981	Quận Đống Đa	Hà Nội		3	88	9.0	9.75	18.75	
85	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	13/09/1976	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		3	89	8.5	9.5	18.0	
86	Ngô Thu	Thủy	Nữ	06/01/1982	Huyện Chiêm Hoá	Tuyên Quang	06	01	90	8.75	9.5	18.25	
87	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	03/03/1976	Thành phố Nam Định	Nam Định		3	91	9.25	8.75	18.0	
88	Phùng Thị Liên	Tỉnh	Nữ	05/10/1981	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	92	9.0	9.25	18.25	
89	Vũ Thị Hồng	Trang	Nữ	23/12/1986	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	93	9.0	8.75	17.75	
90	Nguyễn Xuân	Triều	Nam	30/06/1976	Thị xã Phúc Yên	Vĩnh Phúc		3	94	9.25	9.0	18.25	
91	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	08/10/1985	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	95	9.0	9.5	18.5	
92	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	20/01/1980	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	96	8.75	9.0	17.75	
93	Phí Thị Hải	Vân	Nữ	19/08/1993	Huyện Thạch Thất	Hà Nội		3	97	9.5	9.5	19.0	
94	Lê Thị	Vân	Nữ	02/02/1975	Quận Hoàng Mai	Hà Nội		3	98	9.5	9.5	19.0	
95	Đỗ Thị	Xuân	Nữ	20/09/1985	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	99	9.0	9.0	18.0	

Nam Định, ngày 15 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Văn Linh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Tùng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2018

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Huyện	Tỉnh	Đối tượng	Khu vực	SBD	Giải phẫu Sinh lý	Quản lý Điều dưỡng	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phạm Thị Tuyết	Chinh	Nữ	17/07/1980	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	02	9.0	9.5	18.5	
2	Phan Chí	Công	Nam	12/08/1983	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc		3	03	9.75	9.5	19.25	
3	Dương Văn	Của	Nam	19/10/1991	Huyện Hải Hậu	Nam Định		3	04	9.25	8.0	17.25	
4	Vũ Kiên	Cường	Nam	02/08/1977	Huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình		3	05	9.75	9.5	19.25	
5	Đặng Đức	Cường	Nam	05/04/1964	Thành phố Hà Giang	Hà Giang		01	06	7.25	6.75	14.0	
6	Cao Thị	Dung	Nữ	11/07/1980	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	07	9.75	9.0	18.75	
7	Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	16/09/1975	Quận Long Biên	Hà Nội		3	08	9.0	9.5	18.5	
8	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	17/09/1981	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	09	8.5	8.0	16.5	
9	Hà Thị	Dung	Nữ	29/06/1984	Thành phố Hoà Bình	Hoà Bình	05	01	10	8.75	8.75	17.5	
10	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/08/1984	Huyện Đan Phượng	Hà Nội		3	11	8.75	9.5	18.25	
11	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	16/11/1993	Huyện Yên Khánh	Ninh Bình		3	12	8.75	9.5	18.25	
12	Nguyễn Thị	Đương	Nữ	26/04/1985	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc		3	13	10	9.75	19.75	
13	Phan Khắc	Giang	Nam	13/03/1972	Thành phố Hải Dương	Hải Dương		3	14	9.5	9.25	18.75	
14	Lê Thu	Hà	Nữ	23/03/1994	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ		3	15	9.5	9.25	18.75	
15	Vũ Thanh	Hà	Nữ	09/06/1982	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	16	9.5	8.0	17.5	
16	Phạm Thị	Hà	Nữ	10/12/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	17	9.25	9.5	18.75	
17	Đoàn Thị	Hảo	Nữ	10/08/1984	Huyện Thanh Trì	Hà Nội		3	19	9.0	9.75	18.75	
18	Trần Thị	Hân	Nữ	26/12/1986	Quận Tây Hồ	Hà Nội		3	20	9.5	9.5	19.0	
19	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	01/09/1973	Quận Ba Đình	Hà Nội		3	21	7.25	9.25	16.5	
20	Vi Thị Thu	Hiền	Nữ	05/09/1987	Thành phố Việt Trì	Phú Thọ		3	22	9.5	9.5	19.0	
21	Đỗ Thị Hồng	Hoa	Nữ	24/10/1983	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	23	9.0	9.25	18.25	
22	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/07/1985	Quận Long Biên	Hà Nội		3	24	10	9.75	19.75	
23	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	15/06/1976	Quận Ba Đình	Hà Nội		3	25	9.0	9.75	18.75	
24	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03/01/1979	Huyện Bắc Quang	Hà Giang		01	26	9.0	9.5	18.5	
25	Bàn Văn	Hoàng	Nam	28/10/1981	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	05	01	27	8.25	9.25	17.5	
26	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/03/1980	Quận Đống Đa	Hà Nội		3	29	8.25	9.25	17.5	
27	Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	08/02/1973	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	30	8.75	9.5	18.25	
28	Nguyễn Khoa Diệu	Hồng	Nữ	14/12/1977	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	31	7.5	9.25	16.75	
29	Trần Thị	Hồng	Nữ	08/11/1987	Huyện Mỹ Lộc	Nam Định		3	32	9.25	9.5	18.75	
30	Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	16/06/1972	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	33	8.75	8.5	17.25	
31	Bùi Thị	Huệ	Nữ	22/11/1982	Huyện Đông Anh	Hà Nội		3	34	9.25	8.5	17.75	
32	Đặng Thị Minh	Huệ	Nữ	02/11/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	35	9.75	9.25	19.0	

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Huyện	Tỉnh	Đối tượng	Khu vực	SBD	Giải phẫu Sinh lý	Quản lý Điều dưỡng	Tổng điểm	Ghi chú
69	Nguyễn Chính	Quyền	Nam	24/12/1985	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ		3	73	8.25	6.75	15.0	
70	Trần Thị	Quý	Nữ	17/04/1983	Huyện Đông Anh	Hà Nội		3	74	9.75	9.5	19.25	
71	Trần	Quỳnh	Nam	18/10/1984	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		3	75	9.5	9.5	19.0	
72	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/11/1984	Quận Long Biên	Hà Nội		3	76	9.0	9.75	18.75	
73	Lưu Hồng	Tâm	Nam	23/12/1984	Thành phố Việt Trì	Phú Thọ		3	77	8.75	9.5	18.25	
74	Trần Thị	Tâm	Nữ	02/08/1984	Quận Thanh Xuân	Hà Nội		3	78	9.5	9.5	19.0	
75	Lê Trang	Thoan	Nữ	03/05/1993	Huyện Gia Lâm	Hà Nội		3	79	9.0	9.5	18.5	
76	Trần Thị	Thơ	Nữ	13/07/1982	Huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An		01	80	8.25	9.5	17.75	
77	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/12/1990	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	81	9.75	9.5	19.25	
78	Đỗ Thị Quỳnh	Thu	Nữ	18/07/1987	Huyện Mường La	Sơn La		01	82	9.0	9.5	18.5	
79	Đặng Phương	Thúy	Nữ	07/12/1985	Quận Hoàng Mai	Hà Nội		3	83	9.25	9.5	18.75	
80	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/10/1983	Huyện Đông Hưng	Thái Bình		3	84	9.0	9.5	18.5	
81	Quản Thanh	Thủy	Nữ	02/08/1984	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	85	9.5	9.5	19.0	
82	Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	15/10/1984	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	86	9.25	9.0	18.25	
83	Hà Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/03/1975	Thành phố Thái Bình	Thái Bình		3	87	10	9.5	19.5	
84	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	12/09/1981	Quận Đống Đa	Hà Nội		3	88	9.0	9.75	18.75	
85	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	13/09/1976	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		3	89	8.5	9.5	18.0	
86	Ngô Thu	Thủy	Nữ	06/01/1982	Huyện Chiêm Hoá	Tuyên Quang	06	01	90	8.75	9.5	18.25	
87	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	03/03/1976	Thành phố Nam Định	Nam Định		3	91	9.25	8.75	18.0	
88	Phùng Thị Liên	Tỉnh	Nữ	05/10/1981	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	92	9.0	9.25	18.25	
89	Vũ Thị Hồng	Trang	Nữ	23/12/1986	Huyện Từ Liêm	Hà Nội		3	93	9.0	8.75	17.75	
90	Nguyễn Xuân	Triều	Nam	30/06/1976	Thị xã Phúc Yên	Vĩnh Phúc		3	94	9.25	9.0	18.25	
91	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	08/10/1985	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	95	9.0	9.5	18.5	
92	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	20/01/1980	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	96	8.75	9.0	17.75	
93	Phí Thị Hải	Vân	Nữ	19/08/1993	Huyện Thạch Thất	Hà Nội		3	97	9.5	9.5	19.0	
94	Lê Thị	Vân	Nữ	02/02/1975	Quận Hoàng Mai	Hà Nội		3	98	9.5	9.5	19.0	
95	Đỗ Thị	Xuân	Nữ	20/09/1985	Quận Cầu Giấy	Hà Nội		3	99	9.0	9.0	18.0	

Nam Định, ngày 15 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Văn Linh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Tùng